TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2019/QĐST-HNGĐ	*Uông Bí, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1978, thường trú tại xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; và

+ Chị Đào Thị N, sinh năm 1978, thường trú tại khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Tại phiên hòa giải ngày 23/01/2019, anh H và chị N trình bày: vợ chồng anh H và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi về chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, lối sống và thói quen sinh hoạt khác nhau, hai bên có nhiều sự bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng anh H chị N nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đến Tòa án;

[1.2] Tòa án xét thấy hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng anh H và chị N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải cả hai đương sự cũng đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa, như vậy mâu thuẫn của hai đương sự đã thật sự đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H và chị N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên hòa giải, anh H và chị N xác định chỉ có một con chung là cháu Trần Đào Q (sinh ngày 25/4/2007), hai bên nhất trí giao cháu Hùng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 02/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2019 cháu Hùng cũng trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Xét thấy thỏa thuận về con chung của anh H và chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, anh H và chị N đề nghị tự thỏa thuận giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về lệ phí: Tại phiên hòa giải, anh H và chị N đề nghị để chị N nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm. Thỏa thuận của hai bên phù hợp khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Đào Thị N.

- Về con chung: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đào Q (sinh ngày 25/4/2007) kể từ ngày Quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng) kể từ tháng 02/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn anh H và chị N có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: Hai đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị N phải nộp lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 690 ngày 10/01/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Thanh Sơn;
- VKSND Tp. Uông Bí (02 bản);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS Tp. Uông Bí;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Hải